

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY NAM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **86/2024/HNGĐ-ST**

Ngày 01/7/2024

V/v: "Ly hôn, tranh chấp con chung"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM - TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Thuở

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Nam

2. Ông Võ Hoàng Hiếu

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thiên Trang - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Lanh – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 160/2024/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2024 về "Ly hôn, tranh chấp con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 234/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 258/2024/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Phương H, sinh năm 1992

Địa chỉ: Thôn Suối Cát, xã Cam H, huyện Cam L, tỉnh K.

Địa chỉ liên lạc: Thôn 6, xã Kiến T, huyện ĐăkR' L, tỉnh Đ

Bị đơn: Anh Lê Văn T, sinh năm 1988

Địa chỉ: ấp Thành Long, xã Thành T, huyện M, tỉnh B

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Phương H trình bày:

Ngày 29 tháng 9 năm 2010, chị và anh Lê Văn T tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thành Thới A, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre. Tuy nhiên đến cuối năm 2010 anh chị bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do hai bên có lối sống khác biệt và bất đồng về nhiều quan điểm, từ đó anh chị thường

xuyên xảy ra cãi vã. Mặc dù anh chị đã cố gắng giải quyết các mâu thuẫn, bất đồng nhưng vẫn không có kết quả mà còn làm cho tình cảm vợ chồng ngày càng nghiêm trọng hơn. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Thịnh theo quy định của pháp luật. Vợ chồng có 01 con chung tên Lê Tuấn A, sinh ngày 30/5/2010 đang sống với chị, khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh Thịnh cấp dưỡng. Tài sản chung và nợ chung không có.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn anh Lê Văn T vắng mặt nên không có lời trình bày.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa xét xử đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục được pháp luật quy định. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án là chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Phương H, chị H được ly hôn với anh Lê Văn T; giao con chung là Lê Tuấn A, sinh ngày 30/5/2010 cho chị H nuôi dưỡng, ghi nhận việc chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng; tài sản chung và nợ chung không có nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Nguyễn Thị Phương H khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp con chung với anh Lê Văn T nên quan hệ pháp luật là "Ly hôn, tranh chấp con chung" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn anh Lê Văn Thịnh có nơi cư trú tại ấp Thành Long, xã Thành Thới A, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre nên Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam có thẩm quyền giải quyết theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Phương H có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Lê Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị H, anh T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Chị Nguyễn Thị Phương H và anh Lê Văn T tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn vào ngày 29/9/2010 tại Ủy ban nhân dân xã Thành Thới A, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre theo đúng quy định của pháp luật nên hôn nhân của anh

chị là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Theo lời trình bày của chị H thì quá trình chung sống chị và anh T không có hạnh phúc, thường xảy ra mâu thuẫn do có lối sống khác biệt, bất đồng quan điểm, vì không còn tình cảm với anh T nên chị yêu cầu xin ly hôn. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh T để hòa giải nhưng anh đều vắng mặt và không có ý kiến gì đối với yêu cầu ly hôn của chị H, do đó có cơ sở xác định anh T không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị H, mâu thuẫn vợ chồng của anh chị đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt. Vì vậy, có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H đối với anh T.

[5] Chị Nguyễn Thị Phương H và anh Lê Văn T có 01 con chung tên Lê Tuấn A, sinh ngày 30/5/2010, đang sống với chị H. Sau khi ly hôn chị H có yêu cầu tiếp tục nuôi cháu Tuấn A, không yêu cầu anh T cấp dưỡng. Xét thấy, cháu Tuấn A đang được chị H nuôi dưỡng tốt, cháu Tuấn A cũng có nguyện vọng sống với chị H nên giao cháu Tuấn A cho chị H tiếp tục nuôi là phù hợp. Ghi nhận việc chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Anh T được quyền thăm cháu Tuấn A, không ai được ngăn cản anh thực hiện quyền này.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Phương H khai không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

[7] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng chị Nguyễn Thị Phương H phải nộp theo quy định của pháp luật.

[8] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Phương H đối với anh Lê Văn T, cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Phương H được ly hôn với anh Lê Văn T.
- Về con chung: Giao cháu Lê Tuấn A, sinh ngày 30/5/2010 cho chị Nguyễn Thị Phương H trực tiếp nuôi. Ghi nhận chị Nguyễn Thị Phương H không có yêu cầu anh Lê Văn T cấp dưỡng nuôi con.

Anh Lê Văn T được quyền thăm nom con chung, không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung sau này, một hoặc hai bên đương sự được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Phương H khai không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Án phí hôn nhân sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị Phương H phải chịu số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0003993 ngày 08 tháng 4 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre (chị H đã nộp đủ án phí).

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Mỏ Cày Nam (1b);
- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- CCTHADS huyện Mỏ Cày Nam (1b);
- UBND xã Thành Thới A (1b);
- Các đương sự (2b);
- Lưu hồ sơ, VP (3b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thanh Thuở